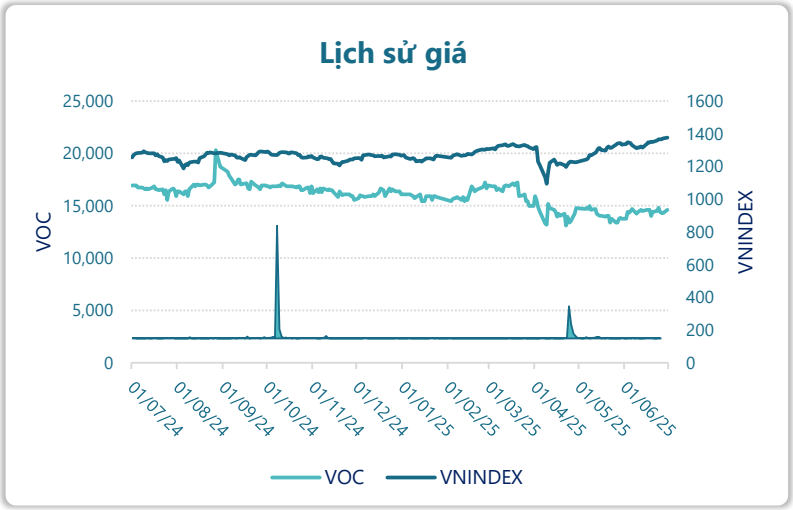
FireAnt

Tổng Công ty Công nghiệp dầu thực vật Việt Nam - CTCP (UPCOM: VOC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,309
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,103
SL cổ phiếu LH	121,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,555
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,778
P/E	25.7
EPS	568

DT thuần

Q2/25

84.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼50.1| -37.1%

YoY: ▲ 8.00| 10.4%

LN sau thuế

Q2/25

26.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.2| 275%

YoY: ▲ 15.2| 138%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

35.9%

+/- YoY: ▲ 17.8%

DT thuần

6T 2025

220

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 104| 90.1%

LN sau thuế

6T 2025

33.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.3| 85.4%

ROE

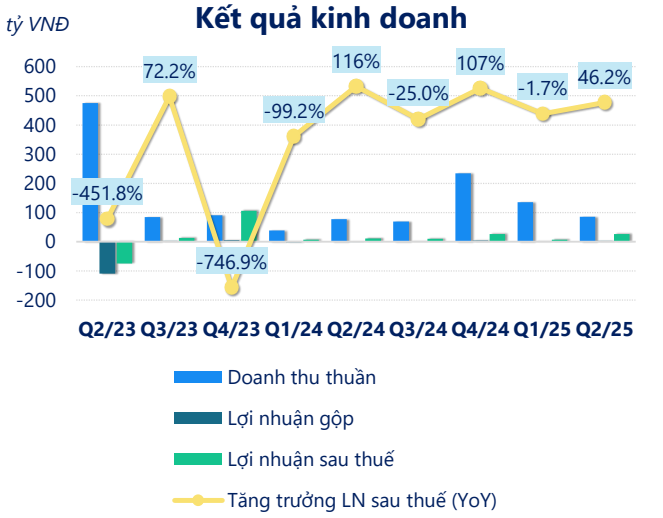
Q2/25

3.3%

+/- YoY: ▼ 2.6%

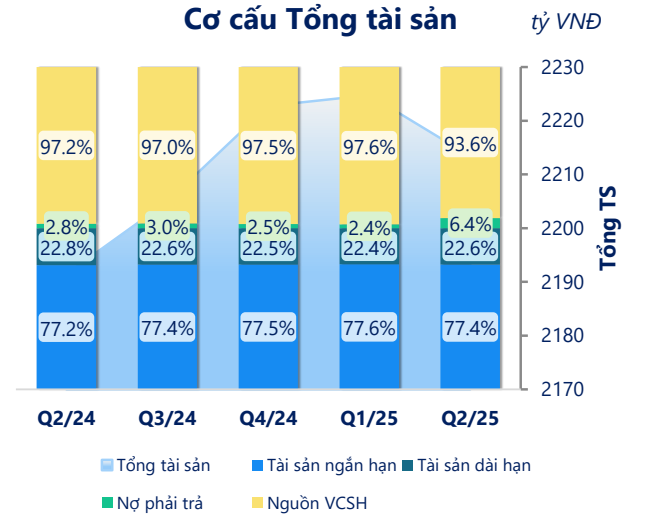
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



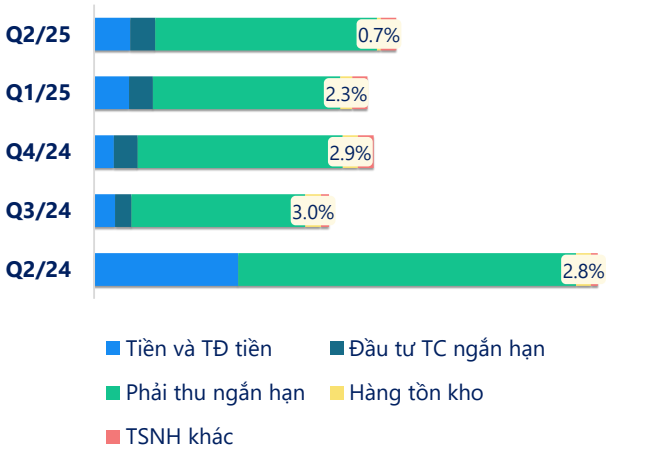
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



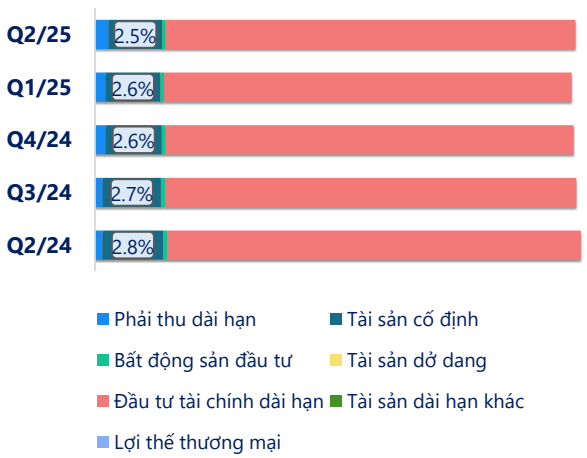
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



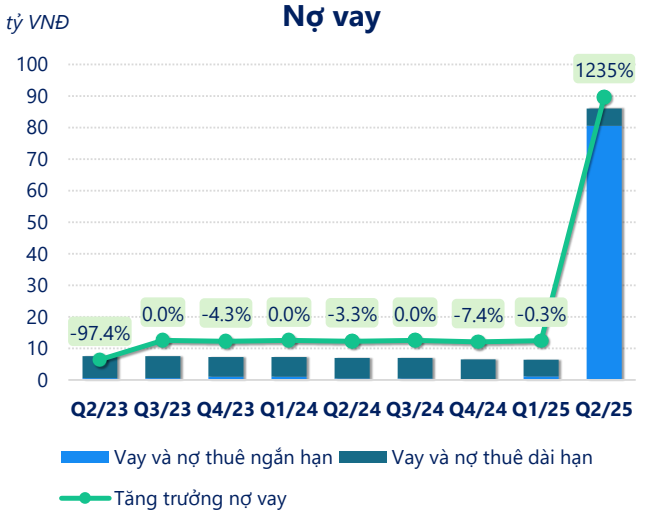
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



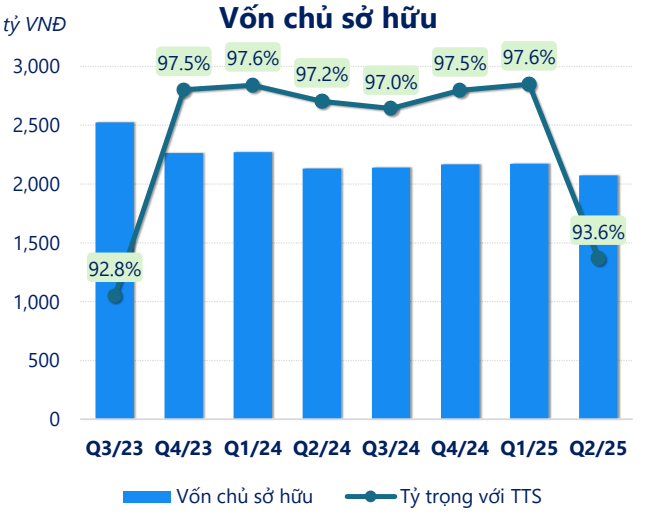
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



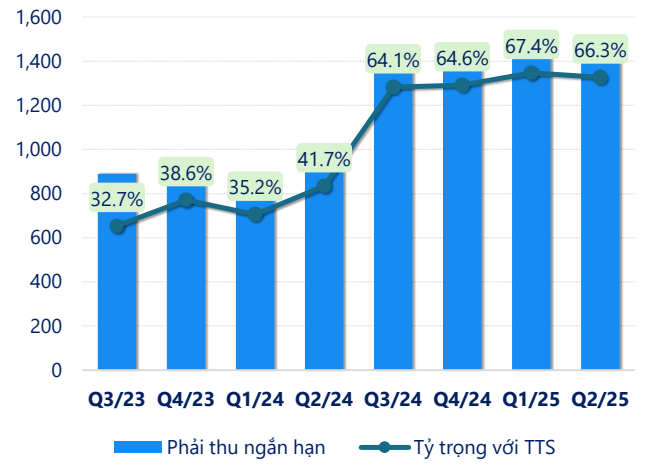
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



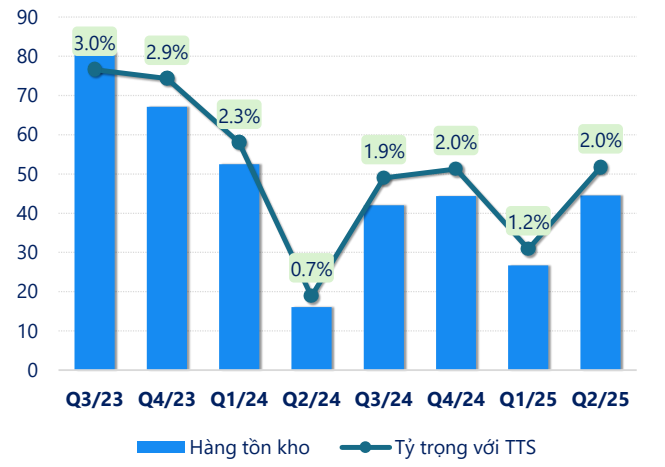
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



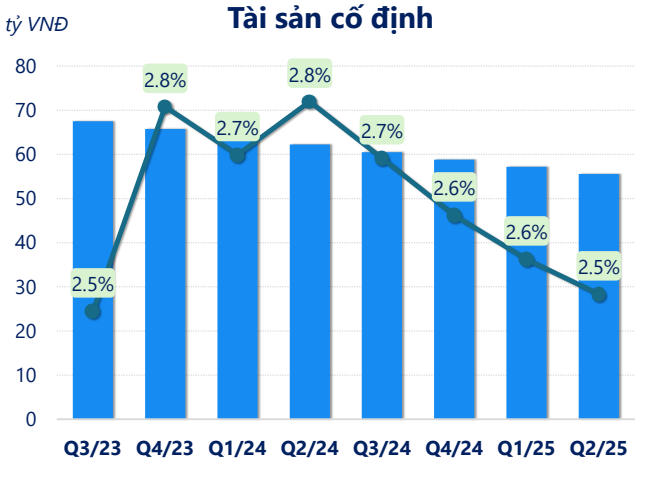
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



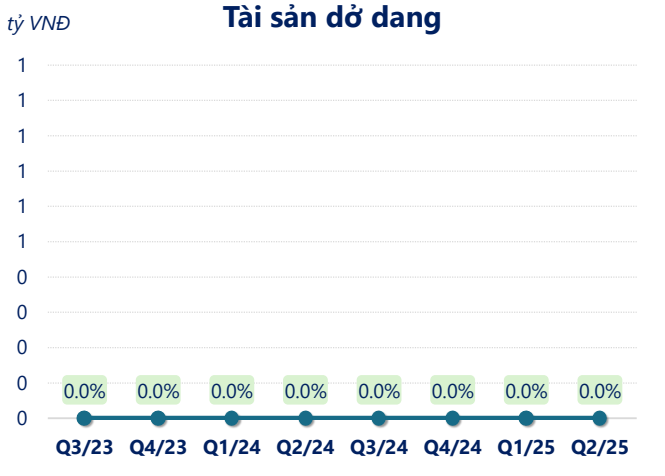
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



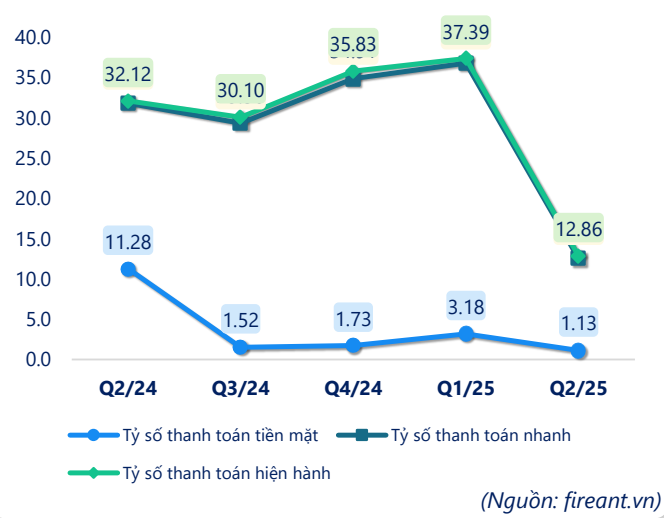
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



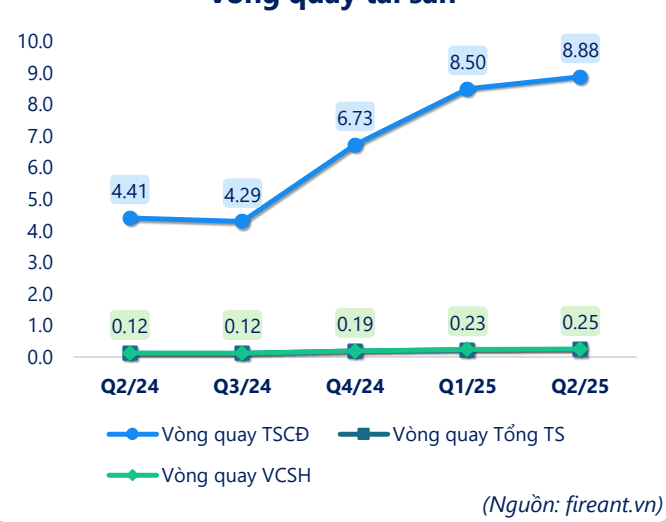
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,191**	**2,205**	**2,223**	**2,225**	**2,213**
Tài sản ngắn hạn	**1,691**	**1,706**	**1,722**	**1,726**	**1,713**
Tiền và tương đương tiền	594	86.4	83.1	147	150
Đầu tư tài chính ngắn hạn	104	104	104	0	0
Phải thu ngắn hạn	914	1,414	1,436	1,499	1,468
Hàng tồn kho	16.1	42.0	44.3	26.7	44.5
Tài sản ngắn hạn khác	62.9	60.3	55.7	53.9	50.5
Tài sản dài hạn	**501**	**499**	**500**	**499**	**500**
Phải thu dài hạn	8.00	8.00	11.1	11.1	14.2
Tài sản cố định	62.2	60.5	58.8	57.2	55.6
Bất động sản đầu tư	4.12	4.07	4.02	3.98	3.93
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	426	426	426	426	426
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**61.1**	**65.1**	**56.5**	**53.5**	**141**
Nợ ngắn hạn	**52.6**	**56.7**	**48.1**	**46.2**	**133**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.51	0.51	0	1.10	80.5
Phải trả người bán ngắn hạn	4.53	8.25	3.31	0.45	7.17
Nợ dài hạn	8.47	8.47	8.41	7.29	7.48
Vay và nợ thuê dài hạn	6.46	6.46	6.46	5.34	5.53
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,130**	**2,140**	**2,166**	**2,171**	**2,073**
Vốn chủ sở hữu	**2,130**	**2,140**	**2,166**	**2,171**	**2,073**
Vốn điều lệ	1,218	1,218	1,218	1,218	1,218
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)